

Số: 23/2025/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 28 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ, chính sách
và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân
cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 238/TTr-KTNS ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm tra Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; cân đối, đảm bảo nguồn kinh phí trong dự toán hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 8 năm 2025. Riêng đối với cấp xã có các nội dung chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân nhưng chưa thực hiện các hồ sơ, chứng từ chi sẽ được áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 9 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Đắk Nông.


b) Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Đắk Nông kèm theo Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND.

c) Nghị quyết số 65/2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

d) Nghị quyết số 48/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhiệm kỳ 2021-2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X, Kỳ họp thứ 3 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm hạ tầng và công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, HSKH. 

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định một số chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân (sau đây viết tắt là "HĐND") cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

2. Các chế độ, chính sách, định mức chi khác bảo đảm cho hoạt động của HĐND cấp tỉnh, cấp xã không quy định trong Nghị quyết này thì thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo trong quy định này được áp dụng đối với HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp xã; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng HĐND và Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây viết tắt là "Văn phòng"); đại biểu được mời tham dự và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia, tham mưu, phục vụ các hoạt động của HĐND và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND được bố trí trong dự toán thu - chi ngân sách nhà nước của địa phương hằng năm, bảo đảm nguồn kinh phí đáp ứng kịp thời, thống nhất về nội dung chi, mức chi, đối tượng chi trên cơ sở chế độ, chính sách, định mức chi quy định tại Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Trường hợp các khoản chi có tính chất đột xuất, cần thiết nhưng chưa được bố trí trong dự toán thì Thường trực HĐND đề nghị Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, cân đối nguồn kinh phí để thực hiện kịp thời theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

3. Việc chi phục vụ cho các đoàn công tác (giám sát, khảo sát, tiếp xúc cử tri) của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND và thành viên khác cùng tham gia đoàn công tác do HĐND cùng cấp bảo đảm.

4. Các chế độ, chính sách của đại biểu HĐND, gồm: tiền lương, tiền công lao động (đối với đại biểu không hưởng lương từ ngân sách nhà nước); hoạt động

phí; các chế độ, chính sách khác (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng, khen thưởng), thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu HĐND.

5. Các chương trình, kế hoạch giám sát, khảo sát, tiếp khách của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND phải được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc giao nhiệm vụ theo quy chế, quy định.

6. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Chương II

CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND CẤP TỈNH, CẤP XÃ

Điều 4. Chế độ chi tiêu kỳ họp HĐND

1. Chi thuê hoặc trang trí hội trường, in ấn tài liệu: Theo hóa đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp.

2. Chi cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, khách mời tham dự kỳ họp và lao động hợp đồng phục vụ:

a) Chủ tọa; điều hành kỳ họp: Cấp tỉnh là 200.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 150.000 đồng/người/buổi (ngoài chế độ hỗ trợ như các đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp xã);

b) Thư ký kỳ họp: Cấp tỉnh là 150.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 120.000 đồng/người/buổi (ngoài chế độ hỗ trợ như các khách mời tham dự);

c) Đại biểu HĐND; cán bộ, công chức; khách mời tham dự kỳ họp: Cấp tỉnh là 150.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 120.000 đồng/người/buổi;

d) Lao động hợp đồng phục vụ kỳ họp: 100.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã);

đ) Trường hợp kỳ họp tổ chức ngoài giờ hành chính, thực hiện mức chi bằng 02 lần mức chi quy định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

3. Chi nước uống, giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã).

4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, khách mời tham dự kỳ họp và lao động hợp đồng phục vụ: Cấp tỉnh là 300.000 đồng/người/ngày, cấp xã là 200.000 đồng/người/ngày. Riêng đối với kỳ họp sơ kết, tổng kết nhiệm kỳ của HĐND, thực hiện mức hỗ trợ tiền ăn bằng 02 lần mức chi quy định tại khoản 4 Điều này.

5. Chi thuê phòng nghỉ cho đại biểu HĐND, khách mời tham dự kỳ họp và lái xe (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

6. Chi xây dựng các văn bản của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND trình kỳ họp (không bao gồm văn bản thuộc hồ sơ dự thảo nghị quyết được các Ban của HĐND thẩm tra trình kỳ họp theo quy định): Cấp tỉnh là 500.000 đồng/văn bản, cấp xã là 300.000 đồng/văn bản.

7. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận, chất vấn tại kỳ họp: Cấp tỉnh là 1.000.000 đồng/báo cáo, cấp xã là 500.000 đồng/báo cáo.

8. Chi chỉnh lý, rà soát kỹ thuật, hoàn thiện nghị quyết đã được HĐND thông qua tại kỳ họp, biên bản kỳ họp, thông báo kết quả kỳ họp: Cấp tỉnh là 300.000 đồng/văn bản, cấp xã là 200.000 đồng/văn bản.

9. Trường hợp cần thiết phải làm thêm giờ phục vụ kỳ họp, đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng được thanh toán tiền lương làm thêm giờ. Mức thanh toán tiền lương làm thêm giờ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 5. Chi hoạt động thẩm tra báo cáo, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp HĐND và các tờ trình, văn bản phát sinh giữa 02 kỳ họp

1. Chi tổ chức họp thẩm tra:

a) Chủ trì cuộc họp: Cấp tỉnh là 200.000 đồng/người/báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết, văn bản; cấp xã là 150.000 đồng/người/ báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết, văn bản.

b) Đại biểu, cán bộ, công chức tham dự cuộc họp theo giấy mời, thông báo: Cấp tỉnh là 150.000 đồng/người/báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết, văn bản; cấp xã là 120.000 đồng/người/ báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết, văn bản.

c) Đại biểu mời nhưng không tham dự và đã gửi ý kiến tham luận bằng văn bản của cấp tỉnh và cấp xã: 100.000 đồng/văn bản;

d) Lao động hợp đồng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã);

đ) Chi nước uống, giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã).

2. Chi in ấn tài liệu, trang trí: Theo hóa đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp.

3. Chi xây dựng báo cáo thẩm tra: Cấp tỉnh là 750.000 đồng/báo cáo; cấp xã là 400.000 đồng/báo cáo.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn cho thành viên các Ban là đại biểu HĐND tỉnh ở các xã, phường, đặc khu tham dự thẩm tra và lái xe (nếu có): 300.000 đồng/người/ngày (không bao gồm đại biểu HĐND tỉnh đang ở các phường: Xuân Hương - Đà Lạt,

Lâm Viên - Đà Lạt, Cam Ly - Đà Lạt, Xuân Trường - Đà Lạt, Lang Biang - Đà Lạt).

5. Chi thuê phòng nghỉ cho thành viên các Ban là đại biểu HĐND tỉnh đang ở các xã, phường, đặc khu tham dự thẩm tra và lái xe (nếu có) thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC (không bao gồm đại biểu HĐND tỉnh đang ở các phường: Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Viên - Đà Lạt, Cam Ly - Đà Lạt, Xuân Trường - Đà Lạt, Lang Biang - Đà Lạt).

6. Trường hợp cần thiết phải làm thêm giờ phục vụ hoạt động thẩm tra, lãnh đạo và thành viên các Ban HĐND, cán bộ, công chức, lao động hợp đồng được thanh toán tiền lương làm thêm giờ. Mức thanh toán tiền lương làm thêm giờ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 6. Chi tiếp xúc cử tri

1. Hỗ trợ kinh phí để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức các điểm tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND tỉnh: 2.000.000 đồng/điểm tiếp xúc cử tri; tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND cấp xã là 1.500.000 đồng/điểm tiếp xúc cử tri.

2. Cấp kinh phí hỗ trợ hoạt động tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND và cán bộ, công chức, lao động hợp đồng thuộc Văn phòng và các Ban HĐND tham gia phục vụ đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri:

a) Đại biểu HĐND cấp tỉnh và cấp xã: 200.000 đồng/người/điểm tiếp xúc cử tri;

b) Công chức, lao động hợp đồng tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri: 150.000 đồng/người/điểm tiếp xúc cử tri (cả cấp tỉnh và cấp xã).

3. Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri: 500.000 đồng/báo cáo (cả cấp tỉnh và cấp xã).

4. Hỗ trợ chi phí đi lại khi tham dự các hoạt động tiếp xúc cử tri:

a) Đối với các đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách với mức khoán kinh phí cấp tỉnh là 10.000.000 đồng/người/năm, cấp xã là 3.000.000 đồng/người/năm (hàng năm các đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách đăng ký khoán kinh phí với Văn phòng tham mưu HĐND cấp mình để được cấp phát theo hình thức khoán và chịu trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, nội dung theo quy định).

Riêng năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ, các đại biểu HĐND không tái cử được cấp kinh phí bằng 50% mức quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

b) Đối với các đại biểu HĐND tỉnh hưởng lương từ ngân sách được thanh toán chi phí đi lại theo hoá đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp (các cơ quan, đơn vị có đại biểu HĐND hàng năm xây dựng dự toán để được bố trí kinh phí và thanh toán cho các đại biểu HĐND theo quy định).

5. Khi cần thiết các xã, phường, đặc khu được chi thuê xe hỗ trợ đưa, đón cử tri đến điểm tiếp xúc cử tri theo cụm: Theo hoá đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp.

Điều 7. Chi hoạt động giám sát chuyên đề và khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND

1. Chi xây dựng quyết định thành lập Đoàn, xây dựng kế hoạch và đề cương gửi cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân báo cáo: Cấp tỉnh là 2.000.000 đồng/bộ văn bản; cấp xã là 1.000.000 đồng/bộ văn bản.

2. Chi in ấn tài liệu: Theo hóa đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp.

3. Chi tổ chức họp Đoàn, Tổ khi làm việc với cơ quan đơn vị, tổ chức, cá nhân (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành):

a) Trưởng Đoàn; Phó trưởng Đoàn (khi được phân công là Tổ trưởng hoặc chủ trì cuộc họp, buổi làm việc): Cấp tỉnh là 200.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 150.000 đồng/người/buổi;

b) Thành viên Đoàn, Tổ; đại biểu HĐND tỉnh mời tham dự; thư ký, thành viên Tổ tham mưu, giúp việc cho Đoàn, Tổ: Cấp tỉnh là 150.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 100.000 đồng/người/buổi;

c) Lao động hợp đồng phục vụ Đoàn: 100.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã).

4. Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát: Cấp tỉnh là 2.000.000 đồng/báo cáo, cấp xã là 1.000.000 đồng/báo cáo.

5. Chi xây dựng thông báo hoặc nghị quyết về kết luận giám sát, khảo sát: Cấp tỉnh là 400.000 đồng/thông báo hoặc nghị quyết, cấp xã là 200.000 đồng/thông báo hoặc nghị quyết.

6. Chi cho việc thuê chuyên gia, đơn vị tư vấn, kiểm toán độc lập phục vụ đoàn giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh: Căn cứ vào hợp đồng và hoá đơn, Thường trực HĐND tỉnh quyết định cụ thể.

Điều 8. Chi hoạt động giám sát, khảo sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Tổ đại biểu HĐND

1. Chi xác minh, thu thập thông tin việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri cấp tỉnh và cấp xã: 50.000 đồng/người/buổi.

2. Chi xây dựng báo cáo giám sát, khảo sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri cấp tỉnh và cấp xã: 500.000 đồng/báo cáo.

3. Trường hợp tổ chức Đoàn giám sát, khảo sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của cử tri, thực hiện mức chi quy định như Điều 7 Quy định này.

Điều 9. Chi tổ chức phiên họp của Thường trực HĐND

1. Chi trang trí hội trường; in ấn tài liệu: Theo hóa đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp.

2. Chi cho đại biểu, cán bộ, công chức, khách mời tham dự phiên họp và lao động hợp đồng phục vụ:

a) Chủ tọa phiên họp: Cấp tỉnh là 200.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 150.000 đồng/người/buổi;

b) Đại biểu, cán bộ, công chức, khách mời tham dự phiên họp theo giấy mời: Cấp tỉnh là 150.000 đồng/người/buổi, cấp xã là 100.000 đồng/người/buổi;

c) Lao động hợp đồng phục vụ: 100.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã).

3. Chi nước uống, giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi (cả cấp tỉnh và cấp xã).

4. Chi xây dựng các văn bản phục vụ cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý của Thường trực HĐND và các Ban của HĐND: Cấp tỉnh là 200.000 đồng/văn bản, cấp xã là 100.000 đồng/văn bản.

5. Chi soạn thảo, hoàn thiện Thông báo kết luận phiên họp, biên chất vấn hoặc phiên giải trình của Thường trực HĐND giữa 02 kỳ họp HĐND: Cấp tỉnh là 500.000 đồng/văn bản, cấp xã là 200.000 đồng/văn bản.

Điều 10. Chi hoạt động tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo

1. Chi tiếp công dân tại trụ sở tiếp dân:

a) Thường trực HĐND, đại biểu HĐND; cán bộ, công chức các cơ quan, tổ chức tham dự tiếp công dân: 100.000 đồng/người/ngày (cả cấp tỉnh và cấp xã);

b) Người được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc phân công phối hợp tiếp công dân, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo đảm y tế tại trụ sở tiếp dân: 50.000 đồng/người/ngày (cả cấp tỉnh và cấp xã);

c) Chi xây dựng thông báo kết quả tiếp công dân: Cấp tỉnh là 200.000 đồng/văn bản và cấp xã là 100.000 đồng/văn bản.

2. Cán bộ, công chức được Thường trực HĐND giao thực hiện nhiệm vụ chuyên trách xử lý đơn khiếu nại, tố cáo gửi đến HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND: 50.000 đồng/người/ngày (cả cấp tỉnh và cấp xã).

Điều 11. Chi tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm 02 cấp giữa Thường trực HĐND và các Ban HĐND tỉnh với Thường trực HĐND và các Ban của HĐND cấp xã

Chi tổ chức Hội nghị giao ban trao đổi kinh nghiệm 02 cấp giữa Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh với Thường trực HĐND và các Ban của HĐND cấp xã như sau:

1. Chi trang trí hội trường; in ấn tài liệu: Theo hóa đơn, chứng từ thực tế và hợp pháp.

2. Chi nước uống, giải khát giữa giờ: 50.000 đồng/người/buổi.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu tham dự Hội nghị và cán bộ, công chức, lao động hợp đồng phục vụ: 300.000 đồng/người/ngày.

4. Chi thuê phòng nghỉ cho đại biểu tham dự Hội nghị và cán bộ, công chức, lao động hợp đồng phục vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

Điều 12. Chi họp, hội nghị, tiếp khách của Thường trực HĐND, các Ban HĐND

Tùy điều kiện, tình hình thực tế và mối quan hệ đối ngoại, Chánh Văn phòng tham mưu Thường trực HĐND, các Ban HĐND về việc tổ chức các cuộc họp, hội nghị và tiếp đón các đoàn khách trong, ngoài tỉnh đến thăm, làm việc tại địa phương đảm bảo thực hành tiết kiệm, phù hợp với chế độ quy định hiện hành.

Điều 13. Chi thăm hỏi của Thường trực HĐND

1. Các đối tượng chính sách, xã hội; các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được Thường trực HĐND đến thăm hỏi và tặng quà với mức: Cấp tỉnh tối đa không quá 5.000.000 đồng/lần đối với tập thể, không quá 2.000.000 đồng/lần đối với cá nhân; cấp xã tối đa không quá 3.000.000 đồng/lần đối với tập thể, không quá 1.000.000 đồng/lần đối với cá nhân.

2. Đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trực tiếp tham mưu, phục vụ HĐND được Thường trực HĐND tặng quà lưu niệm khi nghỉ hưu, chuyển công tác. Mức chi cụ thể do Thường trực HĐND cấp đó xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể nhưng không vượt quá 2.000.000 đồng/suất quà (cả cấp tỉnh và cấp xã).

3. Đại biểu HĐND; nguyên đại biểu HĐND qua các thời kỳ trên địa bàn và theo phân cấp quản lý, theo dõi (bao gồm cả đại biểu HĐND cấp huyện trước khi sáp nhập); cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trực tiếp tham mưu, phục vụ HĐND được Thường trực HĐND cấp đó thăm hỏi khi ốm đau nặng nằm viện với mức chi không quá 1.000.000 đồng/người/lần, không quá 5.000.000 đồng/người/lần trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (cả cấp tỉnh và cấp xã).

4. Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (hoặc chồng); vợ (hoặc chồng); con của đại biểu HĐND đương nhiệm và của cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trực tiếp phục vụ HĐND được Thường trực HĐND cấp đó thăm hỏi khi ốm đau nặng nằm viện với mức chi không quá 500.000 đồng/người/lần, không quá 2.000.000 đồng/người/lần trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo (cả cấp tỉnh và cấp xã).

5. Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp xã tổ chức phúng viếng các trường hợp tử trần như sau:

a) Người tử trần là đại biểu HĐND; nguyên đại biểu HĐND qua các thời kỳ trên địa bàn và theo phân cấp quản lý, theo dõi (bao gồm cả đại biểu HĐND cấp huyện trước khi sáp nhập); cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trực tiếp tham mưu, phục vụ HĐND; cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (hoặc chồng); vợ (hoặc chồng); con của đại biểu HĐND đương nhiệm và của công chức, lao động hợp đồng trực tiếp tham mưu, phục vụ HĐND: Phúng viếng gồm 01 vòng hoa theo hoá đơn, chứng từ thực tế, hợp pháp và tiền phúng điếu là 1.000.000 đồng (cả cấp tỉnh và cấp xã).

b) Người từ trần là lãnh đạo; cha, mẹ đẻ; vợ (hoặc chồng); con của lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và cấp xã: Phúng viếng gồm 01 vòng hoa theo hoá đơn, chứng từ thực tế, hợp pháp và tiền phúng điếu là 1.000.000 đồng (cả cấp tỉnh và cấp xã).

c) Các trường hợp đặc biệt khác: Thường trực HĐND cấp tỉnh, cấp xã xem xét quyết định.

6. Đại biểu HĐND; nguyên đại biểu HĐND qua các thời kỳ trên địa bàn và theo phân cấp quản lý, theo dõi (bao gồm cả đại biểu HĐND cấp huyện trước khi sáp nhập); cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trực tiếp tham mưu, phục vụ HĐND gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, bị tai nạn được Thường trực HĐND cấp đó thăm hỏi và trợ cấp khó khăn: Cấp tỉnh không quá 5.000.000 đồng/người và cấp xã không quá 3.000.000 đồng/người.

7. Việc chi thăm hỏi tại khoản 3 và 4 tại Điều này thực hiện không quá 02 lần/người/năm.

Điều 14. Chi hoạt động phí và tiền công lao động cho đại biểu HĐND

1. Hoạt động phí và tiền công lao động cho đại biểu HĐND cấp tỉnh, cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13.

2. Hoạt động phí và tiền công lao động được chi trả 01 tháng một lần.

Điều 15. Chế độ cung cấp thông tin, báo chí, tài liệu và thiết bị công nghệ thông tin cần thiết cho đại biểu HĐND

1. Đại biểu HĐND được cấp báo Đại biểu nhân dân và Báo Lâm Đồng hoặc được hỗ trợ khoán kinh phí truy cập thông tin với mức cấp tỉnh là 200.000 đồng/người/tháng, cấp xã là 150.000 đồng/người/tháng để nhận tài liệu điện tử, khai thác thông tin cần thiết phục vụ nhiệm vụ đại biểu HĐND. Việc chi khoán kinh phí truy cập thông tin được thực hiện 01 tháng một lần.

2. Trong nhiệm kỳ, đại biểu HĐND được cấp 01 thiết bị công nghệ thông tin để phục vụ hoạt động của đại biểu HĐND (mức hỗ trợ mua sắm thiết bị tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách và Thường trực HĐND cấp đó quyết định cụ thể).

Điều 16. Chế độ lễ phục khi tham dự các kỳ họp, hội nghị

1. Đại biểu HĐND được cấp tiền may lễ phục vào đầu nhiệm kỳ với mức cấp tỉnh là 10.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ và cấp xã là 6.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

2. Cán bộ, công chức, lao động hợp đồng trực tiếp tham mưu, phục vụ HĐND được cấp hỗ trợ tiền may lễ phục với mức cấp tỉnh là 5.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ và cấp xã là 3.000.000 đồng/người/nhiệm kỳ.

Điều 17. Chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu hằng năm

1. Ngoài các chế độ được hưởng theo tiêu chuẩn chức danh hiện hành (nếu có), đại biểu HĐND và cán bộ, công chức, lao động hợp đồng phục vụ trực tiếp

HĐND được cấp kinh phí để tự thực hiện chế độ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ và nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu hằng năm với mức cấp tỉnh là 3.000.000 đồng/người/năm, cấp xã là 2.000.000 đồng/người/năm.

2. Riêng năm chuyên giao giữa hai nhiệm kỳ, các đại biểu HĐND không tái cử được cấp kinh phí bằng 50% mức quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 18. Chi xây dựng kỹ yếu nhiệm kỳ HĐND, in ấn đóng quyển các Nghị quyết sau kỳ họp và chi tặng quà lưu niệm cho đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ

1. Chi xây dựng kỹ yếu nhiệm kỳ HĐND, in ấn đóng quyển các Nghị quyết sau kỳ họp: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu và chứng từ thực tế, hợp pháp.

2. Chi tặng quà lưu niệm cho đại biểu HĐND khi kết thúc nhiệm kỳ: Cấp tỉnh không quá 3.000.000 đồng/người, cấp xã không quá 2.000.000 đồng/người.

Điều 19. Hỗ trợ cho Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND

Ngoài các chế độ, chính sách được hỗ trợ nêu trên và các quy định hiện hành, trường hợp đại biểu HĐND được phê duyệt là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND sẽ được hỗ trợ khoản chi hằng năm để hỗ trợ các chi phí sinh hoạt tổ, thảo luận tổ, tiếp xúc cử tri, soạn thảo các báo cáo của tổ và các chi phí khác liên quan phục vụ HĐND cấp tỉnh, cấp xã với mức:

1. Cấp tỉnh đối với Tổ trưởng là 6.000.000 đồng/người/năm và Tổ phó là 5.000.000 đồng/người/năm.

2. Cấp xã đối với Tổ trưởng là 4.000.000 đồng/người/năm và Tổ phó là 3.000.000 đồng/người/năm.

Hằng năm, căn cứ văn bản phê duyệt các đại biểu HĐND là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND, Văn phòng tham mưu HĐND cấp mình xây dựng dự toán, cấp phát kinh phí và các đại biểu HĐND là Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung theo quy định

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Hằng năm, căn cứ các chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và chế độ, chính sách tại Quy định này, Văn phòng tham mưu HĐND cấp mình xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phân bổ, giao dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND cấp mình; tham mưu, phục vụ Thường trực HĐND quản lý, điều hành dự toán kinh phí đảm bảo hoạt động của HĐND cấp mình theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, Trưởng các Ban HĐND tỉnh, Tổ trưởng các Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo, phản ánh để Thường trực HĐND tỉnh xem xét hướng dẫn theo quy định của pháp luật./.